

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh
Ông Lê Văn Bằng
Ông Trịnh Trung Hiếu
Ông Nguyễn Trọng Lạc

Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 02/3/2011)
Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 02/3/2011)
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Trung Hiếu
Ông Lê Xuân Trang
Ông Nguyễn Nam Hải
Ông Nguyễn Hữu Dương

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 19/12/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Trung Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 62 782 904
Fax: +84 (4) 62 782 905
www.anphugroup.com.vn

Số: 76/2012/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các Báo cáo tài chính được lập ngày 10 tháng 04 năm 2012 từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến các vấn đề sau:

- Trong số dư khoản mục "Phải thu của khách hàng" trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 có số dư khoản phải thu từ Công ty Thực phẩm Miền Bắc với số tiền là 6.047.161.316 đồng, trong đó số công nợ đã quá hạn thanh toán trên 1 năm là 6.038.515.534 đồng, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ khoản công nợ quá hạn thanh toán này theo quy định tại Thông tư

010
TRÁI
K
12/15

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty trích lập dự phòng theo quy định hiện hành, kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty sẽ giảm đi số tiền là 3.019.257.767 đồng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc không lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ phải thu từ Công ty Thực phẩm Miền Bắc nói trên là hợp lý và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty do Công ty Thực phẩm Miền Bắc là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Vinataba (Vinataba là cổ đông chi phối của Công ty). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng với kế hoạch và các biện pháp thu nợ đã đề ra cùng với sự trợ giúp của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, Công ty sẽ thu hồi hoặc đối trừ được các khoản công nợ phải thu nói trên trong năm tài chính tiếp theo.

- Như đã nêu tại mục “Hình thức sở hữu vốn” thuộc phần thuyết minh số 1 “Thông tin khái quát” và thuyết minh số 17 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Kể từ khi thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh gần nhất là lần thứ sáu ngày 01/06/2010 (thay đổi vốn điều lệ) cho đến 31/12/2011 Công ty đã có một lần thay đổi cổ đông chi phối và thay đổi vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty vẫn đang trong quá trình làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
- Công ty chưa thực hiện phân loại lại các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn (Nợ thuê tài chính) phải trả trong năm tài chính tiếp theo sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 với số tiền lần lượt là 4.246.317.896 đồng và 16.353.602.732 đồng (tại ngày 31/12/2010 là 6.102.730.247 đồng và 16.988.681.007 đồng).



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

12-4
A
H
H
C
C
1
2
1
2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		208.576.984.336	229.563.122.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.437.307.044	16.029.174.184
1. Tiền	111		14.437.307.044	16.029.174.184
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	157.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	157.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.526.554.407	102.849.284.520
1. Phải thu của khách hàng	131	5	63.300.929.438	38.430.511.123
2. Trả trước cho người bán	132		5.192.920.743	59.204.102.636
5. Các khoản phải thu khác	135	6	4.456.199.539	5.404.791.596
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(423.495.313)	(190.120.835)
IV. Hàng tồn kho	140	7	118.017.658.372	108.280.228.692
1. Hàng tồn kho	141		118.017.658.372	108.280.228.692
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.595.464.513	2.247.434.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.095.339.869	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.864.167	1.067.493.512
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		683.816.016	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		730.444.461	1.179.941.092
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		171.832.275.340	195.635.278.166
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.846.470.110
4. Phải thu dài hạn khác	213		-	1.846.470.110
II. Tài sản cố định	220		167.942.484.960	186.717.317.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	55.710.023.033	61.031.930.190
- Nguyên giá	222		138.244.530.031	130.024.199.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.534.506.998)	(68.992.269.056)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	81.592.978.385	95.998.841.874
- Nguyên giá	225		110.666.534.709	115.150.263.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.073.556.324)	(19.151.422.125)
3. Tài sản cố định vô hình	227		29.078.656.745	29.078.656.745
- Nguyên giá	228		29.078.656.745	29.078.656.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.560.826.797	607.889.013
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.889.790.380	5.071.490.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.390.257.980	5.059.653.551
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	11.836.683
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.499.532.400	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		380.409.259.676	425.198.400.166

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		01/01/2011	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		267.651.604.810		325.852.141.073	
I. Nợ ngắn hạn	310		197.382.588.749		232.770.612.597	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	66.667.248.071		117.710.132.841	
2. Phải trả cho người bán	312		76.301.243.119		87.432.839.837	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.881.533.249		733.491.108	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.538.635.738		5.724.036.788	
5. Phải trả người lao động	315		31.198.456.323		14.254.742.339	
6. Chi phí phải trả	316		6.150.521.238		2.893.005.454	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	4.560.968.882		3.058.999.507	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.083.982.129		963.364.723	
II. Nợ dài hạn	330		70.269.016.061		93.081.528.476	
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.304.271.842		2.544.782.327	
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	66.651.554.086		90.255.113.039	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		313.190.133		281.633.110	
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		112.757.654.866		99.346.259.093	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	112.757.654.866		99.346.259.093	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.425.000.000		66.750.000.000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(83.637.234)		(91.391.804)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.893.035.730		8.945.922.414	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.316.997.761		1.189.380.355	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.206.258.609		22.552.348.128	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		380.409.259.676		425.198.400.166	



Trịnh Trung Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Lê Thị Ánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.090.746.636.692	1.041.164.163.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	9.781.295.324	2.831.554.638
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.080.965.341.368	1.038.332.608.769
4. Giá vốn hàng bán	11	21	900.573.781.351	873.832.200.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		180.391.560.017	164.500.408.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.332.258.886	1.698.665.087
7. Chi phí tài chính	22	23	24.694.105.325	31.388.668.191
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.538.384.712	31.193.939.786
8. Chi phí bán hàng	24		104.166.643.669	82.255.540.743
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.902.361.829	27.672.896.253
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		28.960.708.080	24.881.968.011
11. Thu nhập khác	31	24	1.024.000.807	1.349.300.598
12. Chi phí khác	32	24	1.638.581.754	415.671.769
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	(614.580.947)	933.628.829
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.346.127.133	25.815.596.840
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	7.128.031.841	3.275.085.395
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	11.836.683	(11.836.683)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		21.206.258.609	22.552.348.128
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.967	3.603



lsh

Trịnh Trung Hiếu
Tổng Giám đốc

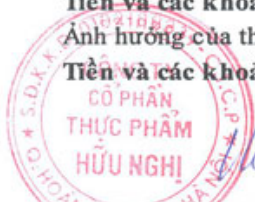
Lê Thị Ánh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị tính: VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.346.127.133	25.815.596.840
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.792.496.417	21.785.342.938
- Các khoản dự phòng	03	233.374.478	
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(861.690.488)	(2.137.468.942)
- Chi phí lãi vay	06	24.538.384.712	31.193.939.786
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.048.692.252	76.657.410.622
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	29.517.996.201	(44.600.523.961)
- Tăng hàng tồn kho	10	(9.737.429.680)	(1.439.719.735)
- Tăng các khoản phải trả	11	15.079.198.299	30.632.818.369
- Giảm chi phí trả trước	12	3.136.903.549	8.743.825.047
- Tiền lãi vay đã trả	13	(25.391.895.064)	(29.457.524.092)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.222.196.113)	(3.208.981.892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.601.910.262	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.495.483.037)	(100.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>82.537.696.669</i>	<i>37.227.304.358</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.555.628.124)	(38.144.021.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	154.545.455	586.689.148
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.000.000.000)
7. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	776.400.000	133.758.886
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.467.682.669)</i>	<i>(39.423.573.395)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	629.172.588.364	848.576.749.852
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(687.349.714.581)	(814.806.818.466)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(18.067.886.001)	(17.952.366.743)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.488.429.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(82.733.441.218)</i>	<i>15.817.564.643</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>(1.663.427.218)</i>	<i>13.621.295.606</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	16.029.174.184	2.499.270.382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	71.560.078	(91.391.804)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	14.437.307.044	16.029.174.184



Trịnh Trung Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Lê Thị Ánh
Kế toán trưởng